

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2271/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo có chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 5244/SVHTT-VP ngày 14 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 101 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của của Sở Văn hóa và Thể thao (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Văn hóa và Thể thao triển khai, thực thi phương án đơn giản hóa thủ

tục hành chính đối với các thủ tục hành chính nêu trên.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này; báo cáo kết quả thực hiện rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2025

*(Kèm theo Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. Nhóm thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (30 TTHC)

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ

- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinan
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ
- ☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

☐ Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa:

a) Bãi bỏ các thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với 14 môn: Yoga, Golf, cầu lông, Billiards & Snooker, bóng bàn, khiêu vũ thể thao, thể dục thẩm mỹ, Thể dục thể hình và Fitness, Võ đạo thể thao giải trí, patin, bóng đá, quần vợt, Bóng ném, Bóng rổ.

Lý do: Đây là các môn thể thao đơn giản, không quá nguy hiểm nên thực hiện chuyển hình thức từ tiền kiểm sang hậu kiểm, không cấp giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao và thay thế các quy định liên quan đến các điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao thành công bố các quy định chuyên môn bắt buộc của từng môn thể thao để đảm bảo cho các doanh nghiệp thể dục thể thao hoạt động và các quy định chuyên môn về an toàn cho người tập luyện, thi đấu thể thao tại các cơ sở hoạt động kinh doanh thể dục thể thao.

b) Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ là *Giấy phép kinh doanh* đối với 16 TTHC còn lại.

Lý do: Các thông tin trên Giấy phép kinh doanh có thể tra cứu trên Cổng Thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp thông qua mã số doanh nghiệp, đảm bảo tính xác thực và nhanh chóng, không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp phải nộp kèm bản sao Giấy phép kinh doanh

c) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ *07 ngày làm việc* thành *04 ngày làm việc* đối với các thủ tục thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với 12 môn: Taekwondo, Karate, Bơi Lặn, Dù lượn và Điều bay, Judo, Lặn Sư Rồng, Quyền anh, Võ cổ truyền Vovinan, Mô tô nước trên biển, Lặn biển thể thao giải trí, Wushu, Đấu kiếm thể thao; Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao và Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp (14 TTHC).

Lý do: Trong trường hợp đã được quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, trên cơ sở tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hóa, sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác, cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ

ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử, rút ngắn thời hạn xử lý.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề xuất bãi bỏ cụm từ “có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” tại khoản 2, Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

- Đề xuất bổ sung khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao như sau (nội dung bổ sung được in nghiêng, đậm): *“Trong thời hạn **04 (bốn)** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao bản điện tử; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”*

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Việc đơn giản hoá thành phần hồ sơ góp phần tạo thuận tiện cho người dân trong việc chuẩn bị hồ sơ, giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 117.419.610 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 50.322.449 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 58,41%

+ Đã cắt giảm thời gian giải quyết 140 (một trăm bốn mươi) ngày làm việc

2. Nhóm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (02 TTHC):

- Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng

- Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận

2.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất Đơn giản hoá thành phần hồ sơ là *Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp*.

Lý do: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP, giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp trước đó là một trong những thành phần hồ sơ. Như vậy, các thủ tục này không đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến (không đáp ứng tiêu chí hồ sơ được gửi toàn bộ qua môi trường điện tử theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử). Cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC nêu trên bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, mất thời gian, chi phí đi lại thực hiện TTHC và gây phiền hà cho người dân.

b) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP¹, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP², *kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP*. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với văn bản chuyên ngành thuộc lĩnh vực thể dục thể thao theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP³. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thể dục thể thao chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết

¹ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

² khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

³ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian

c) Đề xuất thay thế 02 thủ tục nêu trên thành 01 thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Lý do: Cả 02 thủ tục nêu trên có cùng thời hạn giải quyết TTHC, cùng kết quả giải quyết, cùng cơ quan thực hiện, thành phần hồ sơ là *Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp* (trong trường hợp thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận) hoặc *Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị hư hỏng trong trường hợp bị hư hỏng* (trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng). Nếu thực hiện việc cắt giảm thành phần hồ sơ *Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp* thì 02 thủ tục nêu trên hoàn toàn giống nhau. Do đó, đề xuất thay thế 02 thủ tục nêu trên thành 01 thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

d) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ *05 ngày làm việc* thành *03 ngày làm việc*

Lý do:

Trong trường hợp đã được quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử, rút ngắn thời hạn xử lý.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

- Đề xuất Bãi bỏ cụm từ “*Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp*” tại điểm b khoản 2 Điều 21; bãi bỏ cụm từ “*Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị hư hỏng trong*

trường hợp bị hư hỏng” tại điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.

- Đề xuất điều chỉnh biểu mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024, từ “*ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ*” thành “*chữ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức*”.

- Đề xuất bãi bỏ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; điều chỉnh khoản 2 Điều 21 như sau:

“Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện trong trường hợp hay đổi một trong các nội dung Giấy chứng nhận ”

- Đề xuất điều chỉnh Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP như sau: “*Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thẩm định hồ sơ*”

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, nâng cao chất lượng phục vụ cá nhân, doanh nghiệp, giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 9.683.586 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 5.241.922 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

+ Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc.

3. Thủ tục Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo

3.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa

Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày thành 10 ngày làm việc

Lý do:

Trong trường hợp đã được quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử, rút ngắn thời hạn xử lý.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

Đề xuất điều chỉnh Khoản 1 Điều 36 Luật Quảng cáo 2012 như sau: “Trong thời hạn **10 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương không đồng ý với thông báo thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quá thời hạn trên mà không có văn bản trả lời thì tổ chức, cá nhân được thực hiện quảng cáo theo nội dung đã thông báo.”

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC: 0%

- Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc

4. Thủ tục Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn

4.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ là Giấy phép kinh doanh

Lý do: Các thông tin trên Giấy phép kinh doanh có thể tra cứu trên Cổng Thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp thông qua mã số doanh nghiệp, đảm bảo tính xác thực và nhanh chóng, không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp phải nộp kèm bản sao Giấy phép kinh doanh.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc thành 04 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt

kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

4.2.Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất bãi bỏ khoản 2 Điều 29 Luật Quảng cáo năm 2012

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 30 Luật Quảng cáo năm 2012 như sau (nội dung điều chỉnh được in đậm): “*Trong thời hạn **04 (bốn) ngày làm việc**, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương xác nhận về việc nhận hồ sơ, nếu không có ý kiến trả lời thì tổ chức, cá nhân được thực hiện sản phẩm quảng cáo đã thông báo. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*”

4.3.Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC

- Cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 46,884,572,500 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 41,949,322,500 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,53%

+ Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 01 (một) ngày làm việc

5. Nhóm thủ tục về Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (03 TTHC):

- Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

- Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

- Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

5.1.Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhóm thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước

ngoài tại Việt Nam từ 10 ngày thành 05 ngày làm việc.

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

b) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP⁴, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP⁵, *kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP*. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP⁶. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được

4 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

5 khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

⁶ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian

c) Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ là “*Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).*” đối với thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.

Lý do: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện là kết quả giải quyết TTHC trước đó, đã được thực hiện số hoá theo quy định để tái sử dụng. Do đó, việc cung cấp bản sao Giấy phép thành lập trước đó là không cần thiết.

5.2.Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo: “*Trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*”

b) Đề xuất bãi bỏ Khoản 2 Điều 3 Nghị định 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định TTHC liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Đề xuất bãi bỏ Khoản 3 Điều 3 Nghị định 11/2019/NĐ-CP.

d) Đề xuất điều chỉnh biểu mẫu số 07 kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo, từ “*Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ của người ký*” thành “*chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức*”.

5.3.Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC

trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam; Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam: 0%; Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 10 (mười) ngày làm việc

- Cắt giảm chi phí tuân thủ Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 706,923 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 517,513 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,79%

+ Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc

6. Nhóm thủ tục về kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường (04 TTHC)

- Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh

- Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh

- Thủ tục Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

- Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

6.1.Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP⁷, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP⁸, *kết quả giải quyết*

⁷ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

⁸ khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và

TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP⁹. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường từ *10 ngày làm việc* thành *07 ngày làm việc*.

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ. Bên cạnh đó, việc ban hành quyết định thành lập Đoàn thẩm định có thể được thực hiện một lần để thực hiện tất cả các hồ sơ, không thực hiện mỗi hồ sơ lại xây dựng một quyết định gây mất nhiều thời gian.

c) Đề xuất điều chỉnh thành phần hồ sơ *Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự: xuất trình bản chính (trường hợp nộp trực tiếp); bản sao chứng thực*

thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

⁹ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

điện tử hoặc bản chính điện tử (trường hợp nộp trực tuyến).

Lý do: Công dân, tổ chức xuất trình bản chính để Bộ phận Một cửa có thể thực hiện số hoá, lưu kho dữ liệu phục vụ cho việc tái sử dụng, góp phần tiết kiệm chi phí cho người dân.

d) Đề xuất giảm phí, lệ phí thực hiện:

- Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh từ “*Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.*” thành “*Từ 06 phòng trở lên: 8.000.000 đồng/giấy*”;

- Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh từ “*tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định*” thành “*tổng mức thu không quá 5.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định*”

- Thủ tục Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường từ “*Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy*” thành “*Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy*”

- Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường từ “*Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.*” thành “*Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 300.000 đồng/giấy.*”

6.2.Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh biểu mẫu số 02 kèm theo Nghị định số 148/2024/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ Quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, từ “*Chữ ký, dấu*” thành “*chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức*”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 3 Điều 11 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP (được sửa đổi tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2024/NĐ-CP: “***Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh có trách nhiệm tổ chức thẩm định; ban hành kết quả thẩm định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này hoặc không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh. Trường hợp không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.***”

c) Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 10 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP: “***Xuất trình bản chính (trường hợp nộp trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản chính điện tử (trường hợp nộp trực tuyến) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự***”

d) Đề xuất điều chỉnh Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 Bộ Tài Chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.

6.3.Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 307.471.778 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 253.978.458 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17.40%

+ Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

- Cắt giảm chi phí tuân thủ Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 43,783,295 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 36,783,295 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,99%

- Cắt giảm chi phí tuân thủ Thủ tục Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 30,706,923 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 20,698,923 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,59%

+ Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 754,756 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 554,756 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,50%

7. Thủ tục Xác nhận sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu

7.1.Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc thành 07 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

b) Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh*

Lý do: Các thông tin trên Giấy phép kinh doanh có thể tra cứu trên Cổng Thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp thông qua mã số doanh nghiệp, đảm bảo tính xác thực và nhanh chóng, không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp phải nộp kèm bản sao Giấy phép kinh doanh.

7.2.Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

- Đề xuất điều chỉnh điểm b, khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của bộ văn hóa, thể thao và du lịch: “**Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu**

rõ lý do.”

- Bãi bỏ Điểm d Khoản 11 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL.

7.3.Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 206,371,652 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 199,742,302 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,21%

+ Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

8. Thủ tục Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu

8.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc thành 04 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

8.2.Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

Đề xuất điều chỉnh khoản 3 Điều 7 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL: “Trong thời hạn **04 (bốn) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do..”

8.3.Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

9. Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (Thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao)

9.1.Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc thành 04 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

9.2.Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

Đề xuất điều chỉnh khoản 3 Điều 11 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật: “Trong thời **hạn 04 (bốn) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.”

9.3.Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

10. Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

10.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC*)

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP¹⁰, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP¹¹, *kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành* hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP¹². Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải

¹⁰ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

¹¹ khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

¹² Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ *07 ngày làm việc* thành *04 ngày làm việc*

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh mẫu 3 kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động kỹ thuật, từ “Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu” thành “chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 3 Điều 15 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động kỹ thuật: “**Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định này xem xét cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

11. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

11.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP¹³, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP¹⁴, *kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP*. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP¹⁵. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc thành 04 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt

¹³ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

¹⁴ khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

¹⁵ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh mẫu 10 kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật, từ “Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu” thành “chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 3 Điều 36 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật: “Trong thời hạn **04 (bốn) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm xem xét cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

12. Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hoá và Thể thao)

12.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP¹⁶, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định

¹⁶ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP¹⁷, *kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP*. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP¹⁸. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc thành 04 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh mẫu 02 kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01

17 khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

18 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh, từ “Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép ký tên, đóng dấu” thành “chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 6 Điều 11 Nghị định số 72/2016/NĐ-CP: “*Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy phép phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.*”

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

13. Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hoá và Thể thao)

13.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC*)

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP¹⁹, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP²⁰, *kết quả giải quyết*

¹⁹ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

²⁰ khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP²¹. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc thành 04 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ..

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh mẫu 04 kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh, từ “*Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép ký tên, đóng dấu*” thành “*chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức*”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 6 Điều 12 Nghị định số 72/2016/NĐ-CP: “***Trong***

²¹ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy phép phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

14. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại

14.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 07 (bảy) ngày làm việc thành 04 (bốn) ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

b) Đề xuất bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của người tổ chức triển lãm (đối với triển lãm do cá nhân người Việt Nam đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến)*”

Lý do: Đơn giản thành phần hồ sơ có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia góp phần cắt giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân

14.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Đề xuất điều chỉnh điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2029 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 637,576 đồng/năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 542,871 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,85%

+ Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

15. Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)

15.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC*)

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP²², Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP²³, *kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP*. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu

²² Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

²³ khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP²⁴. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc thành 04 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

d) Đề xuất bãi bỏ phí thẩm định kịch bản, nội dung chương trình

Lý do: Hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cá nhân, cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

e) Đề xuất đơn giản hoá thành phần hồ sơ: *chứng thực chữ ký của người dịch đối với tác phẩm nước ngoài*

Lý do: Hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cá nhân, cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh mẫu 03 kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, từ “Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu” thành “chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của

²⁴ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

cơ quan, tổ chức”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 4 Điều 11 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP: “*Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn **04 (bốn) ngày làm việc** kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật.*”

c) Đề xuất bãi bỏ Điều 4 Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.

d) Đề xuất điều chỉnh điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 8,038,707,480 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 838,707,480 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 89,57%

+ Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 01 (một) ngày làm việc

16. Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)

16.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị

định số 107/2021/NĐ-CP²⁵, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP²⁶, *kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP*. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP²⁷. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động

25 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

26 khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh mẫu 06 kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, từ “Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu” thành “chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 4 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP: “Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn **10 (mười) ngày làm việc** kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan”

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc

17. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương

17.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP²⁸, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

²⁸ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP²⁹, *kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP*. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP³⁰. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ *15 ngày làm việc* thành *12 ngày làm việc*

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

17.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ*)

a) Đề xuất điều chỉnh mẫu 09 kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, từ

29 khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

³⁰ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

“Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu” thành “chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 5 Điều 16 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP: “*Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn **12 (mười hai) ngày làm việc** kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi*”

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng cắt giảm thời gian giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc

18. Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu

18.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC*)

a) Đề xuất bãi bỏ thành phần hồ sơ “phiếu lý lịch tư pháp số 1”

b) Đề xuất đơn giản hoá thành phần hồ sơ: bỏ quy định có chứng thực chữ ký người dịch đối với bản sao giấy mời dự thi

Lý do:

Đơn giản thành phần hồ sơ, cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc thành 04 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

18.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ*)

a) Đề xuất bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.

b) Đề xuất sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.

c) Đề xuất sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 20 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC, giảm thành phần hồ sơ, nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 2,270,832 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 1,747,307 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,05%

+ Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 01 (một) ngày làm việc

19. Thủ tục Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

19.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử.

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP³¹, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP³², ***kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP***. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP³³. Ngoài

31 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

32 khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

33 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 12 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh mẫu 08 kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP, từ “Ký tên, đóng dấu” thành “chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 30 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình: “Trong thời hạn **10 (mười) ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh”

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều

13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 02 ngày

20. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

20.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC*)

a) Đề xuất quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử

Lý do:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP³⁴, Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử, trừ trường hợp TTHC quy định chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Theo khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP³⁵, *kết quả giải quyết TTHC bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP*. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc soạn thảo, ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật đối với kết quả giải quyết TTHC nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP³⁶. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định về việc chỉ cung cấp kết quả giải quyết bản điện tử (không cung cấp bản giấy) cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp đã quy định thể thức kết quả bản điện tử. Như vậy, kể cả khi pháp luật chuyên ngành đã quy định thể thức kết quả giải quyết TTHC bản điện tử, Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền vẫn tiếp tục thực hiện ký trực tiếp đối với kết quả giải quyết TTHC

³⁴ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

³⁵ khoản 1 Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

³⁶ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

bản giấy theo quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do đó, nhằm đảm bảo kết quả giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời bản giấy và bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân doanh nghiệp, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử (được chuyển được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, điều này dẫn đến việc công chức phải thực hiện song song quy trình điện tử và quy trình xử lý hồ sơ thủ công để chuyển bản giấy thành bản điện tử gây mất nhiều thời gian.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ *08 ngày làm việc* thành *06 ngày làm việc*

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

c) Đề xuất điều chỉnh thành phần hồ sơ là “*Bản sao có chứng thực*” thành xuất trình bản chính (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nhưng thành phần hồ sơ không có trong cơ sở dữ liệu) hoặc bản chính bản điện tử, bản sao chứng thực điện tử, bản sao điện tử từ sổ gốc (trường hợp nộp trực tuyến).

Lý do: Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp mà thành phần hồ sơ chưa có trong cơ sở dữ liệu, công dân, doanh nghiệp xuất trình bản chính để công chức Bộ phận Một cửa thực hiện chứng thực điện tử, lưu kho dữ liệu người dân phục vụ cho việc tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đó

20.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ*)

a) Đề xuất điều chỉnh mẫu 08 kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP, từ “Ký tên, đóng dấu” thành “chữ ký/ ký số của người có thẩm quyền và của cơ quan, tổ chức”.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 30 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình: “*Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có*

trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh”

c) Đề xuất điều chỉnh thành phần hồ sơ tại điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP: ***“Xuất trình bản chính (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nhưng thành phần hồ sơ không có trong cơ sở dữ liệu) hoặc bản chính bản điện tử, bản sao chứng thực điện tử, bản sao điện tử từ sổ gốc (trường hợp nộp trực tuyến) văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thương trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;”***

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ: 0%

- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 02 (hai) ngày làm việc

21. Nhóm thủ tục về cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (04 TTHC)

- Thủ tục Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

- Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

- Thủ tục Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

- Thủ tục Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

21.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Đề xuất bãi bỏ thành phần hồ sơ là ***“Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”***

Lý do: Các thông tin trên Giấy phép kinh doanh có thể tra cứu trên Cổng Thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp thông qua mã số doanh nghiệp, đảm bảo tính

xác thực và nhanh chóng, không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp phải nộp kèm bản sao Giấy phép kinh doanh.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp từ 10 ngày làm việc thành 08 ngày làm việc; cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc.

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

c) Đề xuất điều chỉnh thành phần hồ sơ là “*bản sao chứng thực*” thành xuất trình bản chính (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nhưng thành phần hồ sơ không có trong cơ sở dữ liệu) hoặc bản chính bản điện tử, bản sao chứng thực điện tử, bản sao điện tử từ sổ gốc (trường hợp nộp trực tuyến).

Lý do: Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp mà thành phần hồ sơ chưa có trong cơ sở dữ liệu, công dân, doanh nghiệp xuất trình bản chính để công chức Bộ phận Một cửa thực hiện chứng thực điện tử, lưu kho dữ liệu người dân phục vụ cho việc tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đó

d) Đề xuất gộp 03 thủ tục cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp thành 01 thủ tục Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

Lý do: Đơn giản hoá TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện thủ tục hành

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 30 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP: “*Trong thời hạn **08 (tám) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho cơ*

quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép một đoạn mã (thể hiện biểu tượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.”

c) Đề xuất điều chỉnh điểm c khoản 4 Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP: “Trong thời hạn **03 (ba) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét...”

d) Đề xuất bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 32 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 5,588,715 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 4,441,665 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,52%

+ Tổng thời hạn giải quyết cắt giảm: 02 (hai) ngày làm việc

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 1,528,539 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 509,513 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,67%

+ Tổng thời hạn giải quyết cắt giảm: 12 (mười hai) ngày làm việc

22. Nhóm thủ tục về Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (07 TTHC)

- Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

- Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.
- Thủ tục Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.
- Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.
- Thủ tục Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
- Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.
- Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

22.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Đề xuất gộp 03 thủ tục cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng thành 01 thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng

Lý do: Đơn giản hoá TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện thủ tục hành.

b) Đề xuất:

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng từ 15 ngày thành 12 ngày làm việc;
- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc;
- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng từ 10 ngày thành 08 ngày làm việc;
- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc;

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động

điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

c) Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.*” của Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng

Lý do: Các thông tin trên Giấy phép kinh doanh có thể tra cứu trên Cổng Thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp thông qua mã số doanh nghiệp, đảm bảo tính xác thực và nhanh chóng, không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp phải nộp kèm bản sao Giấy phép kinh doanh

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất bãi bỏ khoản 2 Điều 49 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 50 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP: “*Trong thời hạn **12 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông địa phương xem xét, cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 39 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.*”

c) Đề xuất điều chỉnh khoản 4, điểm b khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 51 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP: “*Trong thời hạn **03 (ba) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ...*”

d) Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 52 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP: “*Trong thời hạn **08 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ...*”

e) Đề xuất điều chỉnh khoản 4 Điều 52 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP: “*Trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ...*”

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 6,812,497đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 5,241,922 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,05%

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục Gia hạn; Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 1,767,307đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 0

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng: 0%

- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 21 (hai mươi một) ngày làm việc

23. Thủ tục Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)

23.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày thành 10 ngày làm việc;

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

23.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 19 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT: “Trong thời hạn **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền có trách nhiệm xem xét giải quyết việc chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do..”

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục: 0%

- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 05 (năm) ngày làm việc

24. Nhóm thủ tục về giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (03 TTHC)

- Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

- Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

- Thủ tục Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

24.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC*)

a) Đề xuất bãi bỏ thành phần hồ sơ là *giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*

b) Đề xuất điều chỉnh thành phần hồ sơ là “bản sao” thành xuất trình bản chính (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nhưng thành phần hồ sơ không có trong cơ sở dữ liệu) hoặc bản chính bản điện tử, bản sao chứng thực điện tử, bản sao điện tử từ sổ gốc (trường hợp nộp trực tuyến).

Lý do: Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp mà thành phần hồ sơ chưa có trong cơ sở dữ liệu, công dân, doanh nghiệp xuất trình bản chính để công chức Bộ phận Một cửa thực hiện chứng thực điện tử, lưu kho dữ liệu người dân phục vụ cho việc tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đó.

c) Đề xuất

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, từ 15 ngày thành 10 ngày làm việc;

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải

quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

e) Đề xuất bãi bỏ thủ tục Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

Lý do: Bổ sung nội dung cấp đổi vào phạm vi cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm nhằm đơn giản hoá TTHC.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh điểm b khoản 2 Điều 32 Luật Xuất bản: ***“Xuất trình bản chính (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nhưng thành phần hồ sơ không có trong cơ sở dữ liệu) hoặc bản chính bản điện tử, bản sao chứng thực điện tử, bản sao điện tử từ sổ gốc (trường hợp nộp trực tuyến) một trong các loại giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in.”***

b) Đề xuất điều chỉnh điểm đ khoản 2 Điều 32 Luật Xuất bản: ***“Xuất trình bản chính (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nhưng thành phần hồ sơ không có trong cơ sở dữ liệu) hoặc bản chính bản điện tử, bản sao chứng thực điện tử, bản sao điện tử từ sổ gốc (trường hợp nộp trực tuyến) văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp”***

c) Đề xuất điều chỉnh điểm đ khoản 2 Điều 32 Luật Xuất bản: ***“Xuất trình bản chính (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nhưng thành phần hồ sơ không có trong cơ sở dữ liệu) hoặc bản chính bản điện tử, bản sao chứng thực điện tử, bản sao điện tử từ sổ gốc (trường hợp nộp trực tuyến) giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự, vệ sinh môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp”***

d) Đề xuất điều chỉnh khoản 4 Điều 32 Luật Xuất bản: ***“Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 3 Điều này phải cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”***

đ) Đề xuất điều chỉnh khoản 4 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản: ***“Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In***

và Phát hành hoặc Sở phải cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”

e) Đề xuất bãi bỏ Điều 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 3,761,407đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 3,167,882 đồng/ năm

+Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,78%

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục Cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 509,513đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 254,756 đồng/ năm

+Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

-Tổng thời gian giải quyết được cắt giảm: 12 (mười hai) ngày làm việc

25. Thủ tục Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài

25.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất điều chỉnh thành phần hồ sơ là “*bản sao có chứng thực*” thành xuất trình bản chính (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nhưng thành phần hồ sơ không có trong cơ sở dữ liệu) hoặc bản chính bản điện tử, bản sao chứng thực điện tử, bản sao điện tử từ sổ gốc (trường hợp nộp trực tuyến).

Lý do: Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp mà thành phần hồ sơ chưa có trong cơ sở

dữ liệu, công dân, doanh nghiệp xuất trình bản chính để công chức Bộ phận Một cửa thực hiện chứng thực điện tử, lưu kho dữ liệu người dân phục vụ cho việc tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đó.

b) Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày thành 07 ngày làm việc;

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

d) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: *giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân của người được ủy quyền đặt in.*

Lý do: Đơn giản hoá thành phần hồ sơ có thể tra cứu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất điều chỉnh thành phần hồ sơ tại Điều 34 Luật Xuất bản

b) Đề xuất điều chỉnh khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản: “*Trong thời hạn **07 ngày làm việc**, ...*”

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 5,388,612đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 4,310,972 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

+ Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 03 ngày

26. Nhóm thủ tục về hoạt động in (04 TTHC):

- Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in

- Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động in

- Thủ tục Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in
- Thủ tục Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in

26.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Đề xuất bãi bỏ thành phần hồ sơ là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, quyết định thành lập cơ sở in đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.*”

Lý do: Các thông tin trên Giấy phép kinh doanh có thể tra cứu trên Cổng Thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp thông qua mã số doanh nghiệp, đảm bảo tính xác thực và nhanh chóng, không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp phải nộp kèm bản sao Giấy phép kinh doanh.

b) Đề xuất

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in, từ 15 ngày thành 10 ngày làm việc;

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in, từ 07 ngày làm việc thành 05 ngày làm việc;

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục xác nhận; xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in, từ 03 ngày làm việc thành 02 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Đề xuất bãi bỏ điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

b) Đề xuất điều chỉnh điểm d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP: “*Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in phải cấp giấy phép trong đó ghi rõ nội dung hoạt động in phù hợp với thiết bị của cơ sở in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ*

lý do.”

c) Đề xuất điều chỉnh điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP: *“Trong thời hạn **05 (năm) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in phải cấp lại giấy phép; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”*

d) Đề xuất điều chỉnh điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP: *“Trong thời hạn **02 (hai) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được tờ khai đăng ký của cơ sở in quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này, cơ quan quản lý về hoạt động in có trách nhiệm xác nhận đăng ký và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”*

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 1,386,499 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 1,048,384 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,39%

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động in; thủ tục Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in; thủ tục Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm: 0%

- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 09 (chín) ngày làm việc

27. Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm

27.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc thành 07 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt

kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

Đề xuất điều chỉnh khoản 4 Điều 44 Luật Xuất bản: “*Trong thời hạn **07 (bảy) ngày làm việc**, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do*”

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục: 0%

- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 03 (ba) ngày làm việc

28. Nhóm thủ tục giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (02 TTHC):

- Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm

- Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm

28.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

Đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết, từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc.

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

Đề xuất điều chỉnh thời hạn giải quyết TTHC quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân

quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch.

28.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục: 0%

- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 04 (bốn) ngày làm việc

29. Nhóm thủ tục về dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (04 TTHC):

- Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

- Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

- Thủ tục Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

- Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

29.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng từ 15 ngày thành 12 ngày làm việc;

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc;

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

Đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 50 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP: “Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và

Truyền thông địa phương xem xét, cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 39 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

29.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục: 0%

- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 09 (chín) ngày làm việc

30. Nhóm thủ tục hành chính về hành nghề tu bổ di tích (04 TTHC):

- Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.
- Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.
- Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.
- Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.

30.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích; cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích; cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc;

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích từ 10 ngày làm việc thành 07 ngày làm việc;

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh*” của thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

Lý do: Các thông tin trên Giấy phép kinh doanh có thể tra cứu trên Cổng Thông

tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp thông qua mã số doanh nghiệp, đảm bảo tính xác thực và nhanh chóng, không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp phải nộp kèm bản sao Giấy phép kinh doanh

30.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 9, Điều 11, Điều 14, Điều 17 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

30.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục:

31. Nhóm thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (02 TTHC):

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật
- Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

31.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật từ 15 ngày làm việc thành 12 ngày làm việc;

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật từ 05 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc;

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

31.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 6, Điều 7 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

31.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.
- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.
- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục: 0%
- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 05 ngày

32. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia**32.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)**

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 30 ngày thành 23 ngày làm việc;

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

32.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 26 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa

32.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.
- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.
- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục: 0%
- Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 07 ngày

33. Nhóm thủ tục hành chính:

- Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

- Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

33.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

- Bãi bỏ thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập, đưa nội dung xác nhận đủ điều kiện được cấp phép hoạt động vào thủ tục Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập. Đồng thời, cắt giảm thành phần hồ sơ “*Văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*” của thủ tục Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập từ 30 ngày thành 20 ngày làm việc

Lý do: Kết quả giải quyết Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập là một trong hai thành phần hồ sơ của thủ tục Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập. Việc tách thành hai thủ tục riêng lẻ gây mất nhiều thời gian giải quyết cho người dân.

33.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 28 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa

Sửa đổi Điều 50 Luật di sản văn hóa sửa đổi 2009

33.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 2,120,769đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 788,269 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 63,25%

+ Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 25 ngày

34. Nhóm thủ tục hành chính Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (03 TTHC):

- Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình
- Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình
- Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

34.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục cấp lần đầu, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình *từ 10 ngày làm việc thành 07 ngày làm việc*;

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

c) Bãi bỏ, điều chỉnh thành phần hồ sơ của thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bảng giá dịch vụ;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Yêu cầu hồ sơ của nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình: (1) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe; (2) Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; (3) Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng có liên quan đến dịch vụ dự kiến cung cấp; (4) Bản sao có công chứng, chứng thực giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình

d) Điều chỉnh thành phần hồ sơ của thủ tục cấp lần đầu, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình: Hồ sơ của người đứng đầu: *“Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp”* thay bằng **“Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp”**; *“Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan*

đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở” thay bằng “**Bản sao** các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở”

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ, giảm thời gian chuẩn bị các thành phần hồ sơ cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

34.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm c, d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống bạo lực gia đình.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP

34.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC, đơn giản hoá thành phần hồ sơ, nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 2,118,139 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 1,616,614 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,88%

+ Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 09 (chín) ngày làm việc

35. Nhóm thủ tục lĩnh vực báo chí (03 TTHC):

- Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)

- Thủ tục Cho phép hợp báo (trong nước)

- Thủ tục Cho phép hợp báo (nước ngoài)

35.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) từ 20 ngày thành 13 ngày làm việc

Lý do: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể áp dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số cơ quan trong quá trình tham mưu, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử; đồng thời, kết quả giải quyết TTHC được cấu hình sẵn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tự động

điền các thông tin của doanh nghiệp có thể rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ

b) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: *Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương*

Lý do: Các thông tin trên Giấy phép kinh doanh có thể tra cứu trên Cổng Thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp thông qua mã số doanh nghiệp, đảm bảo tính xác thực và nhanh chóng, không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp phải nộp kèm bản sao Giấy phép kinh doanh

c) Đề xuất quy định cụ thể thời gian giải quyết đối với thủ tục cho phép hợp báo nhằm cụ thể hoá thời hạn cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết TTHC, tăng sự minh bạch, rõ ràng

35.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

- Điều chỉnh khoản 2 Điều 18 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT

35.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản bản tin:

+ Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 5,428,715 đồng/ năm

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 4,441,665 đồng/ năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,18%

+ Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 7 ngày

- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục cho phép hợp báo: 0%

36. Nhóm thủ tục hành chính về giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại

Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (04 TTHC)

- Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài
- Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài
- Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài
- Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

36.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Gộp 03 TTHC này thành 01 thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài.

b) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 (bảy) ngày làm việc xuống còn 05(năm) ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa cách thức thực hiện, giảm thời gian giải quyết TTHC, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ TTHC.

36.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 8 Luật Xuất bản.
- Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xuất bản.
- Sửa đổi Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

36.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.
- Giảm tải thời gian chờ đợi kết quả giải quyết TTHC nâng cao mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC.
- Cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục:

-
- + Tổng Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 953,679đồng/ năm
 - + Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 254,756đồng/ năm
 - + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66.67%
 - + Tổng thời gian giải quyết cắt giảm: 06 (sáu) ngày làm việc./.